

Bản án số: 145/ 2020 /HC-PT
Ngày: 22/7/2020
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 111/2020/TLPT-HC, ngày 16 tháng 01 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2019 /HC- ST, ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo, kháng nghị. Giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị A; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đinh Văn H – Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum

Địa chỉ: tỉnh Kon Tum. Có mặt

* *Người bị kiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: 06 tỉnh Kon Tum;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – GD

Đại diện theo ủy quyền: Ông A – PGĐ. Có mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Bùi Xuân T; Địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Kon Tum; vắng mặt

+ Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Văn C – Chi cục trưởng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T – Chấp hành viên. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

+ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Kon Tum;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Thế T. Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau: Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ánh trình bày:

Tại Bản án số 01/2018/HNGĐ - ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đã quyết định: “*Công nhận diện tích đất trồng cây công nghiệp 3.183,7 m² tại thửa đất số 02 tờ bản đồ số 28 (nay là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 24 - theo bản đồ chính quy) và đất trồng cây công nghiệp có diện tích 15.375 m² tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 25 (nay là thửa đất số 08; 234, tờ bản đồ số 24 - theo bản đồ chính quy) đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số T 888661 ngày 16/11/2001 mang tên Hộ ông (bà) Bùi Xuân T (chỉnh lý thành Ông (bà) Bùi Xuân T trên GCN QSDĐ ngày 20/12/2013), và tài sản trên đất là vật liệu kết cấu thành nhà chính, nhà bếp, nhà kho, chuồng nuôi heo, gà, nhà tắm, giếng nước, sân phơi, hàng rào, ao cá và cây công nghiệp tại thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum có tổng giá trị là 994.803.302 đồng (chín trăm chín mươi tư triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm lẻ hai đồng) là tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị A và ông Bùi Xuân T.*

Về phân chia tài sản: tài sản chung chia đôi, ông Bùi Xuân T nhận toàn bộ tài sản và phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị A số tiền 446.868.089 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm tám mươi chín đồng) và toàn bộ lãi suất trên số tiền chậm trả.....”.

Do ông Bùi Xuân T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo nội dung của Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST, ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ nên bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngày 27/03/2018 Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ đã ra Quyết định số

172/QĐ-CCTHADS ngày 27/3/2018, quyết định thi hành án theo yêu cầu.

Ngày 17/10/2018, Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ đã ra Quyết định cưỡng chế, kê biên số 01/QĐ-CCTHADS đối với tài sản là quyền sử dụng đất, căn cứ theo GCNQSDĐ số T 888661 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/11/2001 (*chỉnh lý biến động từ Hộ ông (bà) Bùi Xuân T thành Ông (bà) Bùi Xuân T trên GCNQSDĐ ngày 20/12/2013*) mà Tòa án nhân dân huyện Đ đã giao cho ông Bùi Xuân T trong nội dung Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05/02/2018 nêu trên về việc chia tài sản nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

Ngày 15/11/2018, Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ lập Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án là ông Bùi Xuân T, tạm giao cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nêu trên kể từ ngày 15/11/2018.

Tuy nhiên, tài sản là quyền sử dụng đất căn cứ theo GCNQSDĐ số T 888661 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/11/2001 (*chỉnh lý biến động từ Hộ ông (bà) Bùi Xuân T thành Ông (bà) Bùi Xuân T trên GCN QSDĐ ngày 20/12/2013*) lại được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum chỉnh lý, cấp lại cho ông Bùi Xuân T thành 2 (hai) GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 848615 và số: CP 848616 cùng ngày 16/11/2018 với hình thức sử dụng là sử dụng riêng của ông Bùi Xuân T.

Việc chỉnh lý, đăng ký biến động và cấp mới hai GCN QSDĐ cho ông Bùi Xuân T của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum là tạo điều kiện cho ông T không thực hiện nghĩa vụ thi hành án của mình, theo nội dung của Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST, ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Bên cạnh đó, ngày 17/10/2018 Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ đã ra Quyết định cưỡng chế, kê biên số 01/QĐ-CCTHADS đối với tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên mà Tòa án nhân dân huyện Đ đã giao cho ông Bùi Xuân T theo nội dung Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05/02/2018. Đồng thời, ngày 15/11/2018, Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án Bùi Xuân T được kê biên và tạm giao cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp quản lý, sử dụng kể từ ngày 15/11/2018.

Rõ ràng việc cho đăng ký và cấp mới hai GCNQSDĐ từ tài sản căn cứ theo GCN QSDĐ số T 888661 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/11/2001 (*chỉnh lý biến động từ Hộ ông (bà) Bùi Xuân T thành Ông (bà) Bùi Xuân T trên GCN QSDĐ ngày 20/12/2013*) của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum đã tiếp tay và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ông Bùi Xuân T trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trong Bản án của Tòa án nhân dân huyện Đ và các Quyết định kê biên,

cưỡng chế thi hành án; Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị A. Ông A đã lợi dụng việc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T để gây khó khăn cho việc thi hành án.

Do đó, bà Nguyễn Thị A đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên hủy các GCNQSDĐ số: CP 848615 và số: CP 848616 được cấp cùng ngày 16/11/2018. Đồng thời, khôi phục lại GCNQSDĐ số T 888661 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/11/2001 (*chỉnh lý biến động từ Hộ ông (bà) Bùi Xuân T thành Ông (bà) Bùi Xuân T trên GCN QSDĐ ngày 20/12/2013*).

Người bị kiện Sở tài nguyên và môi trường tỉnh KonTum. Tại văn bản trình bày ý kiến số 1677/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 và tại phiên tòa hôm nay trình bày:

Căn cứ Điều 84, Nghị định 43/2004/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 34, Nghị định 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm;

Căn cứ Khoản 5, Điều 9, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thành phần hồ sơ thực hiện việc đăng ký biến động;

Căn cứ Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, về việc chia tài sản chung của nam nữ sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

1. Thành phần hồ sơ khi tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm:

Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu;

Giấy chứng nhận QSDĐ 00926 QSDĐ/458/QĐ-UB(H) cấp ngày 16/11/2011;

Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, về việc chia tài sản chung của nam nữ sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn;

Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc sử dụng đất;

Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và giải quyết nội dung đơn cấp đổi của ông Bùi Xuân T.

2.Trình tự thực hiện khi tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

– **Bước 1:** Phối hợp với UBND xã kiểm tra hiện trạng các thửa đất số 21, tờ bản đồ số 25 và thửa đất 02 tờ bản đồ 28, tổng diện tích 18.683,0 m² (theo bản đồ giải thửa năm 2001) của ông Bùi Xuân T đang sử dụng. Lồng ghép với bản đồ địa chính chính quy thì 02 thửa đất nêu trên thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 24, diện tích 11.485,9 m² và thửa số 1+343, tờ bản đồ số 24, diện tích 8.364,6

m²; tổng diện tích thực tế đang sử dụng là 19.850,5 m², tăng 1.167,5 m² so với GCN QSDĐ đã cấp, nguyên nhân tăng diện tích là do sai số giữa các lần đo đạc (hình thể, ranh giới thửa đất không thay đổi) đủ điều kiện cấp đổi theo Điều 98 Luật Đất đai 2013;

– **Bước 2:** Gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

– **Bước 3:** Hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan thẩm quyền cấp đổi GCN QSDĐ nêu trên cho ông Bùi Xuân T thành 2 (Hai) GCN QSDĐ (ký ngày 16/11/2018) cụ thể như sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 848615, số vào sổ CS 04979, thửa đất số 344, tờ bản đồ số 24, diện tích 11.485,9 m², địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 848616, số vào sổ CS 04980, thửa đất số 1+343, tờ bản đồ số 24, diện tích 8.364,6 m², địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Sau khi ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Xuân T, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã gửi thông báo cho Cơ quan thi hành án huyện Đ để cập nhật thông tin thửa đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Xuân T để tiếp tục theo dõi việc thi hành án của các đương sự.

Như vậy, Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cho rằng, về trình tự thủ tục đăng ký biến động và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Bùi Xuân T là đúng theo quy định hiện hành. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại biên bản làm việc ngày 18/9/2019 và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà Ông Bùi Văn Tân trình bày:***

Căn cứ vào quyết định của Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đã ra quyết định thi hành án, tiến hành thủ tục kê biên, bán đấu giá đầy đủ theo quy định của pháp luật (theo GCNQSDĐ cũ trước đây số T 888661). Hiện nay, cơ quan thi hành án tiếp tục bán đấu giá đối với tài sản đã kê biên nhưng chưa có người mua đấu giá. (tính đến thời điểm ngày 18/9/2019). Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ vẫn đang thi hành theo quy định của pháp luật. Việc bà Ánh khởi kiện là quyền của công dân theo quy định của pháp luật, Chi cục thi hành án không can thiệp vào việc bà Ánh khởi kiện. Việc Sở Tài nguyên môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho ông T, trong khi tài sản đang bị cưỡng chế kê biên để thi hành án đối với ông Bùi Xuân

T. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đã ra quyết định cưỡng chế kê biên đối với tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ, nay Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum cấp cho ông T 2 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới là ảnh hưởng đến quyền lợi của Bà A. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Thắng, Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, Không lên Tòa án làm để làm việc, như vậy ông T đã tự tước bỏ đi quyền, nghĩa vụ lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng và giải quyết vụ án theo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 25/BC-VPĐKĐĐ ngày 22/7/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Kon Tum trình bày:

Ngày 13/8/2019 Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ có công văn số 357/CV-CCTHADS, đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, xã H “*Khi ông T liên hệ làm các thủ tục cầm cố, thế chấp, mua bán, tặng cho đối với tài sản thuộc trường hợp đăng ký tại cơ quan phải thông báo cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để cùng nhau phối hợp giải quyết*”.

Khi tiếp nhận hồ sơ cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo Bản án sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05/2/2018 mặc dù thủ tục hồ sơ không liên quan đến nội dung ngăn chặn việc cầm cố, thế chấp, chuyển dịch quyền sử dụng đất của ông Bùi Xuân T theo Công văn số 375/CV-CCTHADS ngày 13/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ nhưng Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ vẫn trao đổi với cơ quan thi hành án để làm rõ việc cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Xuân T để thống nhất. Sau khi xem xét làm các thủ tục theo trình tự pháp luật quy định Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum đã nhất trí cấp đổi giấy chứng nhận mang tên ông Bùi Xuân T.

Khi làm xong thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Xuân T, Văn phòng đăng ký đất đai đã thông báo và gửi thông tin thừa đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới sang Cơ quan Thi hành án huyện Đ để tiếp tục thực hiện việc thi hành án của các đương sự. Hiện nay Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, UBND xã H vẫn tiếp tục tạm dừng việc giao dịch tất cả hồ sơ đất đai của ông Bùi Xuân T, trong đó có 02 giấy chứng nhận mới, để bảo đảm quyền lợi cho bà A. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là đúng pháp luật.

Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2019 /HC- ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm c khoản 2 Điều 74; điểm b, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 75 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 1, Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự, Điểm c khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ: Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 30, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 của bà Nguyễn Thị Ánh về nội dung: Hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CP 848615 và số: CP 848616 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 16/11/2018, mang tên ông Bùi Xuân Thắng.

Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Quyết định áp dụng biện pháp tạm thời số: 925/2019/QĐ-BPKCTT ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum vẫn được áp dụng cho đến khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 09/QĐ-VKS-HC. Nội dung kháng nghị phúc thẩm như sau: Bản án sơ thẩm đã hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum đã cấp cho ông Bùi Xuân T là không đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 16/11/2018 mang tên Bùi Xuân T. Đồng thời buộc bà A phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ngày 11/12/2019, người khởi kiện bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo, với nội dung: Tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 848615 và CP 848616 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum đã cấp cho ông Bùi Xuân T nhưng không giải quyết việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A với ông T. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc các cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị, bà A giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A, luật sư Đinh Văn Hiến trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, sửa Bản án sơ thẩm, buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp lại Giấy chứng nhận cho bà A.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên cho rằng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 09/QĐ-VKS-HC, ngày 11/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị nêu trên, sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Xem xét nội dung Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05/02/2018 của TAND huyện Đ, đã có hiệu lực pháp luật, nội dung bản án đã quyết định giải quyết về tài sản giữa ông Bùi Xuân T với bà Nguyễn Thị A như sau: ... *“Công nhận diện tích đất trồng cây công nghiệp 3.183,7 m² tại thửa đất số 02 tờ bản đồ số 28 (nay là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 24 - theo bản đồ chính quy) và đất trồng cây công nghiệp có diện tích 15.375 m² tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 25 (nay là thửa đất số 08; 234, tờ bản đồ số 24 - theo bản đồ chính quy) đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số T 888661 ngày 16/11/2001 mang tên Hộ ông (bà) Bùi Xuân T (chỉnh lý thành Ông (bà) Bùi Xuân T trên GCN QSDĐ ngày 20/12/2013), và tài sản trên đất là vật liệu kết cấu thành nhà chính, nhà bếp, nhà kho, chuồng nuôi heo, gà, nhà tắm, giếng nước, sân phơi, hàng rào, ao cá và cây công nghiệp tại thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum có tổng giá trị là 994.803.302 đồng (chín trăm chín mươi tư triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm lẻ hai đồng) là tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị A và ông Bùi Xuân T.*

Về phân chia tài sản: tài sản chung chia đôi, ông Bùi Xuân T nhận toàn bộ tài sản và phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị A số tiền 446.868.089 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm tám mươi chín đồng) và toàn bộ lãi suất trên số tiền chậm trả.....”.

Xét thấy: Căn cứ nội dung quyết định về phân giải quyết tài sản tại Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ (đã có hiệu lực pháp luật) cho thấy: Quyền sử dụng đất trồng cây công nghiệp có diện tích 3.183,7m², thửa số 01, tờ bản đồ chính quy số 24 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T888661, ngày 16/11/2001, được chỉnh lý biến động ngày 20/12/2013 và toàn bộ tài sản trên đất có tổng giá trị: 994.803.302 đồng là tài sản chung của ông T và bà A. Theo nội dung Bản án đã chia ông T được nhận toàn bộ hiện vật quyền sử dụng đất và tài sản đồng thời có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị với số tiền 446.868.089 đồng cho bà A, nếu ông A chậm trả thì trả lãi suất do chậm trả.

Do ông T không tự nguyện thi hành án, không giao số tiền 446.868.089, đồng cho bà A nên ông T cũng chưa có quyền đối với tài sản được giao theo Bản án vì chưa thực hiện nghĩa vụ, mặt khác, bà A cũng đã có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần tài sản theo Bản án nêu trên. Như vậy, việc thi hành Bản án phải thông qua thủ tục thi hành án theo quy định tại Chương 3, Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung 2014, sau khi kết thúc việc thi hành án theo quy định tại điều 52, 53 Luật thi hành án dân sự thì ông Bùi Xuân T mới thực hiện được các quyền đối với tài sản được phân chia trong Bản án.

Trong lúc Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ đã có quyết định thi hành án theo yêu cầu và đã có quyết định cưỡng chế, kê biên quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T888661 nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum vẫn tiến hành chỉnh lý, tách thành hai thửa, đối với thửa đất đang thi hành án, mang tên cá nhân ông Bùi Xuân T, là không đúng quy định của pháp luật về thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ cũng không thực hiện các quy định tại Điều 69, Điều 178 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 69 quy định như sau: 1. Trường hợp cần ngăn chặn hoặc phát hiện đương sự có hành vi chuyển quyền sở hữu, sử dụng, tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng tài sản, trốn tránh việc thi hành án, Chấp hành viên ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của người phải thi hành án, tài sản chung của người phải thi hành án với người khác.

Điều 178. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm trong thi hành án dân sự

1. Tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện các yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của người phải thi hành án đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm ngay sau khi nhận được yêu cầu của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự.

2. Thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất cho người mua được tài sản, người được thi hành án nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án.

3. Thu hồi, sửa đổi, hủy các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đất, giấy tờ đăng ký giao dịch bảo đảm đã cấp cho người phải thi hành án; thực hiện việc cấp mới các giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Như vậy, việc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum đã thực hiện yêu cầu của ông Bùi Xuân T cấp cho ông T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP848515 và CP 848516 ngày 16/11/2018 là không đúng các quy định của Luật thi hành án dân sự năm 2014, gây khó khăn và cản trở hoạt động thi hành án dân sự, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị A, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là có cơ sở pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum.

Tuy nhiên, xem xét việc áp dụng pháp luật tại Bản án hành chính sơ thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng: Điểm c, Khoản 1, Điều 188 Luật đất đai 2013, Khoản 1, Điều 75 Luật thi hành án dân sự và Khoản 1, Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015, của Chính phủ là chưa chính xác, bởi lẽ các Điều luật này quy định về giải quyết tranh chấp đối với tài sản cưỡng chế và chuyển đổi, chuyển nhượng tặng cho... đối với tài sản thi hành án. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung các điều luật áp dụng cho phù hợp, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2]. Xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị A Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Như đã phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, hủy bỏ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP848515 và CP 848516 ngày 16/11/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 16/11/2018 mang tên ông Bùi Xuân Thắng. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T888661 ngày 16/11/2001 chính lý biến động ngày 20/12/2013 đang do Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ thực hiện các thủ tục thi hành án theo quy định của pháp luật, các cơ quan hành chính có thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai không thể thực hiện việc cấp các thủ tục đối với tài sản đang thi hành án nhưng chưa kết thúc. Sau khi có kết quả thi hành án, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào quyết định thi hành án, theo quy định tại điều 106 Luật thi hành án dân sự, khoản 3 điều 100 Luật đất đai năm 2013 mới tiến hành cho đăng ký và cấp các thủ tục, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà A.

Các quyết định khác về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí hành chính phúc thẩm, do bác kháng cáo nên bà A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1/ Không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum và kháng cáo của bà Nguyễn Thị A. Giữ nguyên phần nội dung quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

2/ Căn cứ: Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Áp dụng: Điều 69, Điều 178 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014; Điều 19, Điều 28 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự; Khoản 3, Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 của bà Nguyễn Thị Ánh về nội dung: Hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 848615 và số CP 848616 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 16/11/2018, mang tên ông Bùi Xuân Thắng.

3/ Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, bà A đã nộp đủ tại Biên lai số: 0002263 ngày 17/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kom Tum.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Thi